TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HS-ST
Ngày: 23 - 5 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Quách Xuân Luyện và bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: ông Vũ Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: ông Từ Văn Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 33/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

- **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn LD, xã AL, huyện BL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Đỗ Hồng N và có 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 16/11/2023 đến ngày 03/01/2024 được tại ngoại, hiện nay đang thi hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:***

1. Bà Lê Thị M - sinh năm 1974 (đã chết);

Những người đại diện theo pháp luật của bị hại Lê Thị M: cụ Lê Thị S- sinh năm 1937 (mẹ bà M), nơi thường trú: thôn C, xã LT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; ông Hoàng Văn T1 - sinh năm 1970 (chồng bà M), nơi cư trú: thôn NN, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam; chị Hoàng Thị T2 - sinh năm 1993, nơi cư trú: tổ dân phố Th1, phường LC1, thành phố PL, tỉnh Hà Nam (con bà M); anh Hoàng Văn Tài - sinh năm 1995, nơi thường trú: thôn NN, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam (con bà M);

Người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện theo pháp luật của bị hại Lê Thị M: ông Hoàng Văn H1 - sinh năm 1973; nơi cư trú: thôn NN,

xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Ông Hoàng Văn T1 - sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn NN, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** anh Trần Văn H2 - sinh năm 2000; nơi cư trú: thôn Vĩnh Tứ, xã AL, huyện BL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T không có Giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định. Tối ngày 13/9/2023, T điều khiển xe mô tô BKS 90B2-380.44 chở anh Trần Văn H2 đi trên Quốc lộ 21 (QL21) hướng PL - Nam Định để về huyện BL. Đến khoảng 20 giờ 47 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô đi đến Km 125+550 QL21 thuộc thôn NN, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam. Thời điểm này, ông Hoàng Văn T1 điều khiển xe mô tô BKS 90F5-7492 chở vợ là bà Lê Thị M, đang bật tín hiệu đèn xi nhan bên trái, để chuyển hướng đi từ chiều đường Nam Định - PL sang chiều đường PL - Nam Định, rồi đi gần sát mép đường bên phải chiều đường PL - Nam Định, ngược về hướng PL, để rẽ vào đường đi Chùa Động Nhất, xã LC. Do T không chú ý quan sát, không chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ, không giảm tốc độ tại nơi có vạch sơn "Gờ giảm tốc", dẫn đến bánh lốp trước xe mô tô BKS 90B2-380.44 do T điều khiển đã xô vào mặt ngoài phía trước và cạnh ngoài càng xe phía trước bên phải xe mô tô BKS 90F5-7492 do ông T1 điều khiển, làm 02 xe mô tô bị đổ, cả 04 người ngã ra đường. Hậu quả: ông T1, bà M và T bị thương tích, được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam và Bệnh viện Việt Đức; đến 07 giờ ngày 14/9/2023, bà M bị tử vong; còn anh H2 bị sây sát nhẹ, 02 xe mô tô bị hư hỏng.

Sau khi tiếp nhận thông tin vụ việc, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) - Công an huyện TL đã phối hợp với lực lượng chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám phương tiện, khám nghiệm tử thi theo quy định và thu giữ vật chứng, tài sản, giấy tờ gồm: 01 xe mô tô BKS 90B2-380.44, 01 xe mô tô BKS 90F5-7492 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký của xe; 02 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS; 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Hoàng Văn T1; 01 mũ bảo hiểm; trích xuất, sao lưu hình ảnh có liên quan đến vụ tai nạn trong 01 USB niêm phong trong phong bì ký hiệu V1.

Ngày 14/9/2023, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam giám định nguyên nhân tử vong của bà Lê Thị M. Tại bản Kết luận giám định tử thi số 743/KL-KTHS ngày 18/10/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận: *"Nguyên nhân dẫn đến tử vong của bà Lê Thị M: Chấn thương sọ não nặng (Vỡ xương hộp sọ, tụ máu dưới màng cứng, chảy máu dưới nhện, phù não)*

trên người bị đa chấn thương". Ngày 08/01/2024, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL ra Quyết định trưng cầu Trung tâm Giám định y khoa và pháp y tỉnh Hà Nam giám định xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Hoàng Văn T1, nhưng ông T1 không chấp hành, từ chối giám định.

* Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của Nguyễn Văn T và ông Hoàng Văn T1 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam ngày 13/9/2023 lần lượt là 2,5 mg/dl và 5,6 mg/dl. Ngày 31/01/2024, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL có công văn đề nghị Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam xác định định lượng Ethanol (cồn) trong máu của Nguyễn Văn T và ông Hoàng Văn T1. Tại văn bản số 498/BVĐKT ngày 05/02/2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam trả lời: *"Trong quá trình hấp thu và chuyển hóa đường trong hệ thống ống tiêu hóa thì một số phân tử đường sẽ chuyển thành Ethanol do thiếu oxy. Do vậy, bình thường trong cơ thể vẫn có nồng độ Ethanol và chỉ số < 34mg/dl. Ngày 13/9/2023, người bệnh Nguyễn Văn T và Hoàng Văn T1 vào khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam, được lấy máu xét nghiệm định lượng Ethanol (cồn) trong máu, kết quả lần lượt là 2,5mg/dl và 5,6mg/dl, đây là chỉ số sinh lý bình thường"*.

* Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về tính mạng của bà Lê Thị M và bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tài sản của ông Hoàng Văn T1 với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Hoàng Văn H1 đã nhận đủ số tiền trên và làm Đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự cho T. Anh Trần Văn H2 không có yêu cầu, đề nghị gì.

* Về xử lý vật chứng: trong giai đoạn điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại 01 xe mô tô BKS 90F5-7492, giấy tờ có liên quan và Giấy phép lái xe hạng A1 cho ông Hoàng Văn T1; trả lại 01 xe mô tô BKS 90B2-380.44 kèm theo giấy tờ có liên quan và 01 mũ bảo hiểm cho Nguyễn Văn T.

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKS-TA ngày 28/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện TL đã truy tố Nguyễn Văn T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

**** Tại phiên tòa:***

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự - xử phạt Nguyễn Văn T 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm; hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; lưu trong hồ sơ vụ án 01 USB niêm phong trong phong bì ký hiệu

V1.

- Bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại là ông Hoàng Văn T1 và người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thị M là ông Hoàng Văn H1 không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Trần Văn H2 không có yêu cầu, đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như trong nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản khám phương tiện liên quan, bản Kết luận giám định tử thi, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Tối ngày 13/9/2023, Nguyễn Văn T (không có Giấy phép lái xe hạng A1) điều khiển xe mô tô BKS 90B2-380.44 chở anh Trần Văn H2 đi trên QL21 hướng PL - Nam Định. Khoảng 20 giờ 47 phút cùng ngày, T điều khiển xe đi đến Km 125+550 QL21 thuộc địa phận thôn NN, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam. Do không chú ý quan sát, không chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ, không giảm tốc độ tại nơi có vạch sơn "Gờ giảm tốc" dẫn đến xe mô tô do T điều khiển đã xô vào xe mô tô BKS 90F5-7492 do ông Hoàng Văn T1 điều khiển chở bà Lê Thị M đi ngược chiều, đang bật đèn xi nhan trái và đi gần sát mép đường bên phải chiều đường PL - Nam Định để rẽ vào đường đi Chùa Động Nhất, xã LC, làm 02 xe mô tô bị đổ đường. Hậu quả: bà M, ông T1 và T ngã ra đường, bị thương tích; bà M được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam, đến 07 giờ ngày 14/9/2023 thì bà M tử vong; anh H2 bị sây sát nhẹ, 02 xe mô tô bị hư hỏng nhẹ.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn T đã vi phạm khoản 9, khoản 23 Điều 8; Điều 11 của Luật Giao thông đường bộ, gây hậu quả làm chết 01 người. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường

bộ, xâm hại đến tính mạng của người khác. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử kết luận: hành vi của Nguyễn Văn T đã phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TL truy tố đối với Nguyễn Văn T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt.

- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã "tự nguyện bồi thường thiệt hại" và "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang nuôi 02 con còn rất nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao, hợp nhất Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Hình phạt bổ sung: xét thấy, bị cáo là lao động tự do, nên không có căn cứ áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo và bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại đã tự nguyện thỏa thuận giải quyết xong, nay không còn yêu cầu, đề nghị gì; anh Trần Văn H bị sây sát nhẹ và không có yêu cầu, đề nghị gì; nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra xác định: 01 xe mô tô BKS 90F5-7492, giấy tờ có liên quan và Giấy phép lái xe hạng A1 là tài sản, giấy tờ hợp pháp của ông Hoàng Văn T1; 01 xe mô tô BKS 90B2-380.44, giấy tờ có liên quan và 01 mũ bảo hiểm là tài sản, giấy tờ hợp pháp của Nguyễn Văn T; Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL đã trả lại tài sản và giấy tờ trên cho ông T1 và T là đúng pháp luật.

- Đối với 01 USB lưu trữ hình ảnh liên quan đến vụ án: đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo; nên cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự: căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/5/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã AL, huyện BL, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

2. Xử lý vật chứng: lưu trong hồ sơ vụ án 01 USB niêm phong trong phong bì ký hiệu V1.

3. Án phí: bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Xuân Cảnh